

PHỤ LỤC I
GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Xã, phường	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
1	Phường Hạc Thành	65.000	60.000
2	Phường Quảng Phú	65.000	60.000
3	Phường Đông Quang	65.000	60.000
4	Phường Đông Sơn	65.000	60.000
5	Phường Đông Tiến	65.000	60.000
6	Phường Hàm Rồng	65.000	60.000
7	Phường Nguyệt Viên	65.000	60.000
8	Phường Sầm Sơn	55.000	50.000
9	Phường Nam Sầm Sơn	55.000	50.000
10	Phường Bim Sơn	55.000	50.000
11	Phường Quang Trung	55.000	50.000
12	Phường Tĩnh Gia	55.000	50.000
13	Phường Nghi Sơn	55.000	50.000
14	Phường Hải Lĩnh	55.000	50.000
15	Phường Tân Dân	55.000	50.000
16	Phường Trúc Lâm	55.000	50.000
17	Phường Đào Duy Từ	55.000	50.000
18	Phường Ngọc Sơn	55.000	50.000
19	Phường Hải Bình	55.000	50.000
20	Xã Các Sơn	55.000	50.000
21	Xã Trường Lâm	55.000	50.000
22	Xã Hoằng Hóa	55.000	45.000
23	Xã Hoằng Tiến	45.000	40.000
24	Xã Hoằng Thanh	45.000	40.000
25	Xã Hoằng Lộc	55.000	50.000
26	Xã Hoằng Châu	45.000	40.000
27	Xã Hoằng Sơn	55.000	50.000
28	Xã Hoằng Phú	45.000	40.000
29	Xã Hoằng Giang	55.000	50.000
30	Xã Lưu Vệ	55.000	50.000
31	Xã Quảng Yên	55.000	50.000
32	Xã Quảng Ngọc	45.000	40.000
33	Xã Quảng Ninh	45.000	40.000
34	Xã Quảng Bình	45.000	40.000
35	Xã Tiên Trang	45.000	40.000
36	Xã Quảng Chính	45.000	40.000
37	Xã Nga Sơn	45.000	40.000
38	Xã Nga Thắng	45.000	40.000

STT	Xã, phường	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
39	Xã Hồ Vương	45.000	40.000
40	Xã Tân Tiến	45.000	40.000
41	Xã Nga An	45.000	40.000
42	Xã Ba Đình	45.000	40.000
43	Xã Triệu Lộc	45.000	40.000
44	Xã Đông Thành	45.000	40.000
45	Xã Hậu Lộc	45.000	40.000
46	Xã Hoa Lộc	45.000	40.000
47	Xã Vạn Lộc	45.000	40.000
48	Xã Hà Long	45.000	40.000
49	Xã Hà Trung	45.000	40.000
50	Xã Tống Sơn	45.000	40.000
51	Xã Hoạt Giang	45.000	40.000
52	Xã Lĩnh Toại	45.000	40.000
53	Xã Nông Cống	45.000	40.000
54	Xã Thắng Lợi	45.000	40.000
55	Xã Trung Chính	45.000	40.000
56	Xã Trường Văn	45.000	40.000
57	Xã Thăng Bình	45.000	40.000
58	Xã Tượng Lĩnh	45.000	40.000
59	Xã Công Chính (khu vực không thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	40.000	35.000
60	Xã Công Chính (khu vực thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	55.000	50.000
61	Xã Thọ Bình	45.000	40.000
62	Xã Triệu Sơn	45.000	40.000
63	Xã Thọ Ngọc	45.000	40.000
64	Xã Thọ Phú	45.000	40.000
65	Xã Hợp Tiến	45.000	40.000
66	Xã An Nông	45.000	40.000
67	Xã Tân Ninh	45.000	40.000
68	Xã Đồng Tiến	55.000	50.000
69	Xã Thọ Xuân	45.000	40.000
70	Xã Thọ Long	45.000	40.000
71	Xã Xuân Hòa	45.000	40.000
72	Xã Sao Vàng	45.000	40.000
73	Xã Lam Sơn	45.000	40.000
74	Xã Thọ Lập	45.000	40.000
75	Xã Xuân Tín	45.000	40.000
76	Xã Xuân Lập	45.000	40.000
77	Xã Thiệu Hóa	45.000	40.000
78	Xã Thiệu Quang	45.000	40.000
79	Xã Thiệu Tiến	45.000	40.000

STT	Xã, phường	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
80	Xã Thiệu Toán	45.000	40.000
81	Xã Thiệu Trung	55.000	50.000
82	Xã Quý Lộc	45.000	40.000
83	Xã Yên Định	45.000	40.000
84	Xã Yên Trường	45.000	40.000
85	Xã Yên Phú	45.000	40.000
86	Xã Yên Ninh	45.000	40.000
87	Xã Định Tân	45.000	40.000
88	Xã Định Hòa	45.000	40.000
89	Xã Vĩnh Lộc	45.000	40.000
90	Xã Tây Đô	45.000	40.000
91	Xã Biện Thượng	45.000	40.000
92	Xã Thạch Quảng	40.000	35.000
93	Xã Thạch Bình	40.000	35.000
94	Xã Thành Vinh	40.000	35.000
95	Xã Vân Du	40.000	35.000
96	Xã Ngọc Trạo	40.000	35.000
97	Xã Kim Tân	40.000	35.000
98	Xã Cẩm Thủy	40.000	35.000
99	Xã Cẩm Thạch	40.000	35.000
100	Xã Cẩm Tú	40.000	35.000
101	Xã Cẩm Vân	40.000	35.000
102	Xã Cẩm Tân	40.000	35.000
103	Xã Ngọc Lặc	40.000	35.000
104	Xã Thạch Lập	40.000	35.000
105	Xã Ngọc Liên	40.000	35.000
106	Xã Minh Sơn	40.000	35.000
107	Xã Nguyệt Ấn	40.000	35.000
108	Xã Kiên Thọ	40.000	35.000
109	Xã Xuân Thái	40.000	35.000
110	Xã Xuân Du	40.000	35.000
111	Xã Mậu Lâm	40.000	35.000
112	Xã Như Thanh	40.000	35.000
113	Xã Yên Thọ (khu vực không thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	40.000	35.000
114	Xã Yên Thọ (khu vực thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	50.000	45.000
115	Xã Thanh Kỳ (khu vực không thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	40.000	35.000
116	Xã Thanh Kỳ (khu vực thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn)	50.000	45.000
117	Xã Linh Sơn	35.000	30.000
118	Xã Đồng Lương	35.000	30.000

STT	Xã, phường	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
119	Xã Giao An	35.000	30.000
120	Xã Văn Phú	35.000	30.000
121	Xã Yên Thắng	35.000	30.000
122	Xã Yên Khương	35.000	30.000
123	Xã Bá Thước	35.000	30.000
124	Xã Thiết Ống	35.000	30.000
125	Xã Văn Nho	35.000	30.000
126	Xã Điền Quang	35.000	30.000
127	Xã Điền Lư	35.000	30.000
128	Xã Quý Lương	35.000	30.000
129	Xã Cổ Lũng	35.000	30.000
130	Xã Pù Luông	35.000	30.000
131	Xã Bát Mọt	35.000	30.000
132	Xã Vạn Xuân	35.000	30.000
133	Xã Yên Nhân	35.000	30.000
134	Xã Lương Sơn	35.000	30.000
135	Xã Thường Xuân	35.000	30.000
136	Xã Luận Thành	35.000	30.000
137	Xã Tân Thành	35.000	30.000
138	Xã Thắng Lộc	35.000	30.000
139	Xã Xuân Chinh	35.000	30.000
140	Xã Như Xuân	35.000	30.000
141	Xã Thượng Ninh	35.000	30.000
142	Xã Hóa Quý	35.000	30.000
143	Xã Thanh Quân	35.000	30.000
144	Xã Xuân Bình	35.000	30.000
145	Xã Thanh Phong	35.000	30.000
146	Xã Phú Xuân	35.000	30.000
147	Xã Trung Sơn	35.000	30.000
148	Xã Hồi Xuân	35.000	30.000
149	Xã Nam Xuân	35.000	30.000
150	Xã Thiên Phú	35.000	30.000
151	Xã Hiền Kiệt	35.000	30.000
152	Xã Phú Lệ	35.000	30.000
153	Xã Trung Thành	35.000	30.000
154	Xã Tam Thanh	35.000	30.000
155	Xã Sơn Điện	35.000	30.000
156	Xã Mường Mìn	35.000	30.000
157	Xã Sơn Thủy	35.000	30.000
158	Xã Na Mèo	35.000	30.000
159	Xã Trung Hạ	35.000	30.000
160	Xã Quan Sơn	35.000	30.000
161	Xã Tam Lư	35.000	30.000

STT	Xã, phường	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
162	Xã Quang Chiêu	35.000	30.000
163	xã Mường Lát	35.000	30.000
164	Xã Pù Nhi	35.000	30.000
165	Xã Nhi Sơn	35.000	30.000
166	Xã Mường Lý	35.000	30.000
167	Xã Trung Lý	35.000	30.000
168	Xã Mường Chanh	35.000	30.000
169	Xã Tam Chung	35.000	30.000